

Số: KH1T-09/12h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN THÁNG
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC
(Từ 21/3-20/4/2026)**

1. Phân tích, đánh giá thời tiết, khí hậu nổi bật từ 21/02-20/3

+ **Không khí lạnh (KKL)**: Từ ngày 21/02 đến 20/3 đã xảy ra 02 đợt KKL vào ngày 03/3 và ngày 09/3. Các đợt KKL chủ yếu gây trời rét và mưa rải rác cho khu vực Bắc Bộ.

+ **Đông, lốc, sét**: Trên phạm vi toàn quốc đã xảy ra một số trận đông, lốc và mưa đá (*Phụ lục- Bảng 1*).

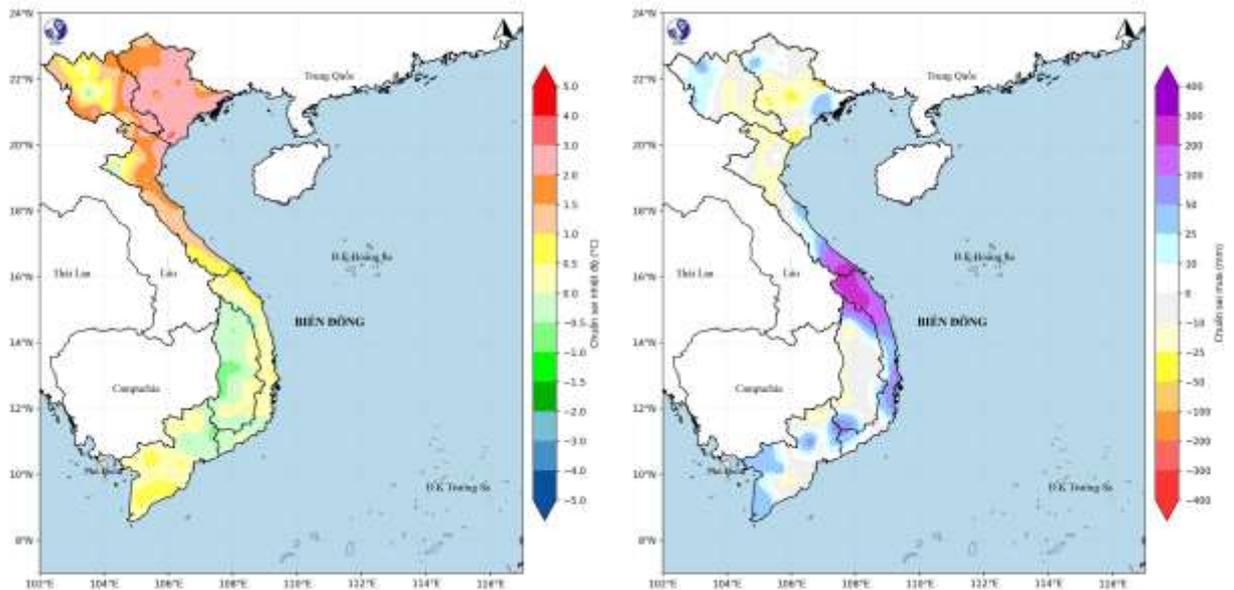
+ **Mưa diện rộng**: Tại khu vực Bắc Bộ đã xuất hiện các đợt mưa từ ngày 19-26/02, 03-04/3, 08-09/3 và ngày 15-16/3; trong đó có ngày 23/02, 03/3 và ngày 09/3 cục bộ có mưa vừa, mưa to. Khu vực từ Thanh Hóa đến Huế và Duyên hải Nam Trung Bộ xảy ra các đợt mưa từ ngày 22-26/02, 03-07/3 và 9-16/3; đáng lưu ý từ ngày 9-14/3, các tỉnh từ Huế đến Quảng Ngãi đã xảy ra mưa vừa, mưa to với lượng mưa ngày phổ biến từ 20-50mm, cục bộ có nơi trên 100mm. Khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ đã xảy ra các đợt mưa trái mùa từ ngày 26-28/02 và từ ngày 05-07/3; trong đó đợt ngày 26-28/02 đã có mưa vừa, mưa to, có nơi mưa rất to với nhiều trạm ghi nhận giá trị mưa ngày đạt và vượt giá trị lịch sử (GTLS) cùng kỳ (*Phụ lục-Bảng 2*).

+ **Nắng nóng (NN)**: Từ ngày 21/02-20/3, NN chỉ xuất hiện cục bộ tại khu vực Miền Đông Nam Bộ.

+ **Nhiệt độ trung bình (NĐTĐ)**: Tại khu vực Đông Bắc Bộ, các tỉnh từ Thanh Hóa-Huế NĐTĐ phổ biến cao hơn từ 1,0-3,0⁰C so với trung bình nhiều năm (TBNN), các khu vực khác NĐTĐ phổ biến cao hơn từ 0,5-1,0⁰C; riêng khu vực Cao nguyên Trung Bộ và một số nơi ở Đông Nam Bộ NĐTĐ phổ biến thấp hơn khoảng 0,5⁰C so với TBNN (*Hình 1a*). Tại một số trạm khí tượng đã ghi nhận được nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày vượt GTLS cùng kỳ (*Phụ lục-Bảng 3*).

+ **Lượng mưa**: Tại khu vực Đồng Bằng Bắc Bộ, các tỉnh từ Thanh Hóa-

Hà Tĩnh tổng lượng mưa (TLM) phổ biến thiếu hụt từ 10-25mm so với TBNN, các khu vực khác TLM phổ biến từ xấp xỉ đến cao hơn TBNN từ 10-25mm, riêng các tỉnh từ Huế-Quảng Ngãi và một số nơi ở phía Nam TLM cao hơn từ 50-150mm (Hình 1b). Đáng lưu ý, từ ngày 01-20/3/2026 một số nơi có TLM cao hơn TBNN cùng thời kỳ từ 150-200mm, có nơi cao hơn như: Nam Đông (Tp, Huế) cao hơn 281mm, Trà My (Đà Nẵng) cao hơn 296mm so với TBNN, đặc biệt trong 20 ngày đầu tháng 3/2026 một số nơi có TLM vượt GTLS cùng thời kỳ (Phụ lục-Bảng 4).



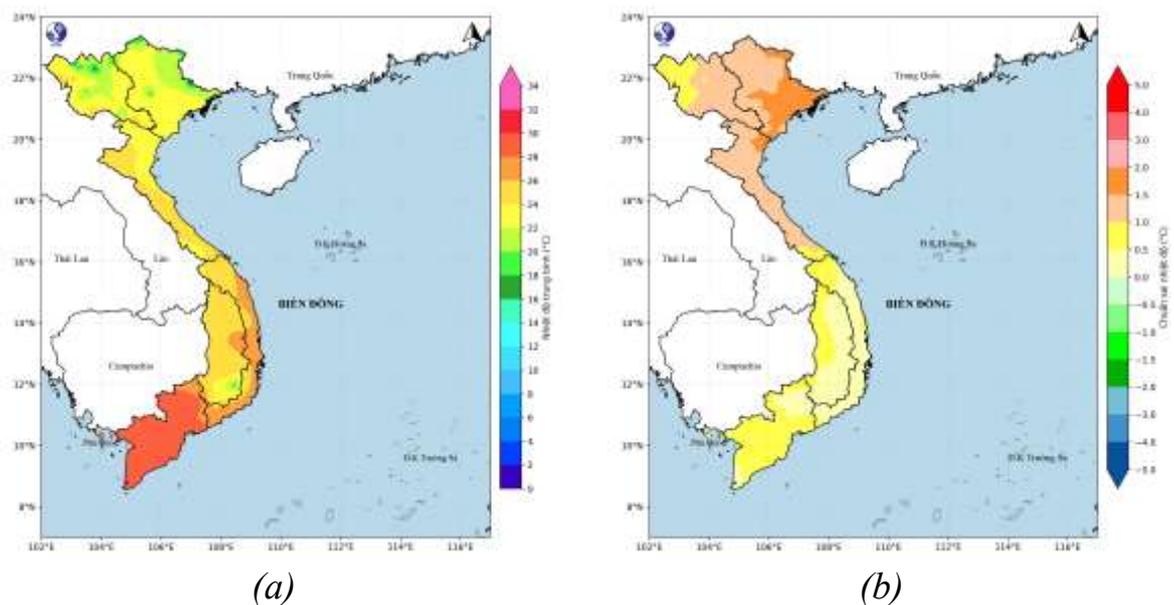
(a)

(b)

Hình 1: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) và (b) Chuẩn sai lượng mưa (mm) từ 21/02-20/3/2026

2. Dự báo xu thế khí hậu tháng từ ngày 21/3 đến 20/4/2026

2.1. Dự báo xu thế NĐTB



(a)

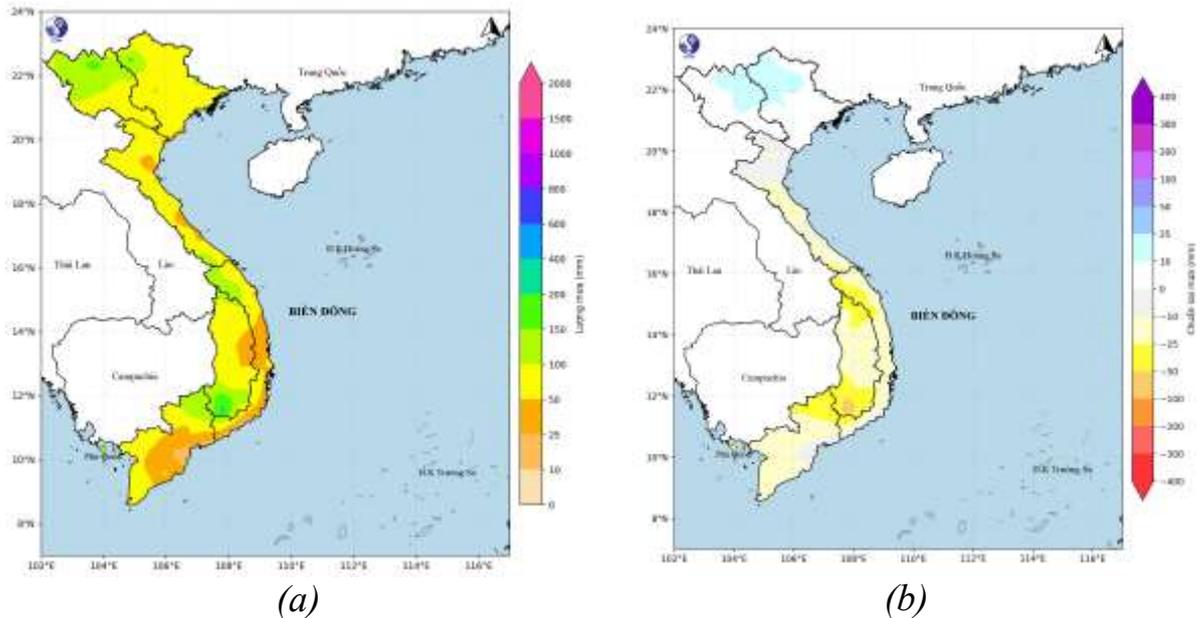
(b)

Hình 2: (a) Nhiệt độ TBNN ($^{\circ}\text{C}$) từ ngày 21/3-20/4; (b) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) từ ngày 21/3-20/4/2026

Trong thời kỳ dự báo, tại khu vực Bắc Bộ và các tỉnh từ Thanh Hóa-Huế NĐTB phổ biến cao hơn so với TBNN từ 1,0-1,5 $^{\circ}\text{C}$ độ, có nơi cao hơn; các khu vực khác NĐTB phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 2b).

2.2. Dự báo xu thế lượng mưa

Trong thời kỳ dự báo, TLM tại khu vực Bắc Bộ phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN; tại khu vực Trung Bộ và Nam Bộ, TLM phổ biến thấp hơn từ 10-30mm so với TBNN cùng thời kỳ.



Hình 3: (a) Tổng lượng mưa (mm) TBNN từ ngày 21/3-20/4; (b) Dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) từ ngày 21/3-20/4/2026

2.3. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

+ *Bão/áp thấp nhiệt đới (ATNĐ)*: Trong thời kỳ dự báo, trên khu vực Biển Đông ít có khả năng xuất hiện bão/ATNĐ (TBNN: Trên khu vực Biển Đông là 0,2 cơn và không đổ bộ vào đất liền Việt Nam).

+ *Không khí lạnh*: Trong thời kỳ dự báo, KKL hoạt động yếu và nén rãnh áp thấp ở phía Nam Trung Quốc và có thể gây ra những đợt mưa dông kèm theo lốc, sét và gió giật mạnh nguy hiểm ở khu vực Bắc Bộ.

+ *Mưa diện rộng*: Trong thời kỳ dự báo, trên hầu khắp cả nước có khả năng xảy ra một số đợt mưa diện rộng, trong đó mưa tập trung nhiều hơn ở khu vực vùng núi Bắc Bộ.

+ *Nắng nóng*: Từ nay đến hết tháng 3/2026, nắng nóng tiếp tục xảy ra ở khu vực miền Đông Nam Bộ; sang tháng 4/2026, nắng nóng có xu hướng gia tăng cường độ và mở rộng sang miền Tây Nam Bộ và một số nơi thuộc Cao

nguyên Trung Bộ. Ở khu vực phía Tây Bắc Bộ và vùng núi phía Tây thuộc khu vực Bắc Trung Bộ có thể xuất hiện nắng nóng cục bộ từ khoảng cuối tháng 3/2026.

+ Hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh có khả năng xuất hiện trên phạm vi cả nước, tập trung nhiều hơn ở khu vực Bắc Bộ.

2.4. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

KKL có khả năng gây ra dông, lốc, gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động của tàu thuyền trên các vùng biển thuộc Biển Đông. Trên đất liền, KKL hoạt động yếu nén rãnh áp thấp có thể gây ra các đợt mưa dông, đặc biệt vào thời điểm chiều tối, có thể kèm theo hiện tượng thời tiết nguy hiểm như lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh, gây tác động đến các hoạt động dân sinh. Tại các khu vực Tây Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Nam Bộ, hiện tượng nắng nóng gây ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của người dân.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thời tiết, khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp với nhiều hình thái nguy hiểm, cực đoan. Do đó, đề nghị các cấp chính quyền và người dân thường xuyên cập nhật và tích hợp thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong các bản tin ngắn hạn 1-3 ngày, để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất, phương án ứng phó phù hợp đảm bảo an toàn cho các hoạt động sản xuất và dân sinh.

3. Dự báo nhiệt độ trung bình, lượng mưa từ ngày 21/03 đến 20/4/2026

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 21-31/3		Thời kỳ 01-10/4		Thời kỳ 11-20/4		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La-Sơn La (Đài KTTV Bắc Bộ)	22,5-23,5	25-40	23,5-24,5	20-40	24,0-25,0	30-45	23,5-24,5	70-130
Lào Cai-Lào Cai (Đài KTTV Bắc Bộ)	23,5-24,5	30-50	24,5-25,5	30-50	25,5-26,5	30-50	24,5-25,5	90-150
Lạng Sơn-Lạng Sơn (Đài KTTV Bắc Bộ)	20,5-21,5	20-40	22,0-23,0	15-30	23,5-24,5	15-30	22,0-23,0	60-100
Việt Trì-Phú Thọ (Đài KTTV Bắc Bộ)	23,0-24,0	20-35	23,5-24,5	15-30	25,0-26,0	20-40	24,0-25,0	60-100
Hải Phòng-Tp, Hải Phòng (Đài KTTV Bắc Bộ)	21,5-22,5	15-30	23,0-24,0	15-30	24,0-25,0	10-25	23,0-24,0	50-80

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 21-31/3		Thời kỳ 01-10/4		Thời kỳ 11-20/4		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Hà Đông-Tp, Hà Nội (Đài KTTV Bắc Bộ)	22,5-23,5	20-35	23,5-24,5	10-25	24,5-25,5	10-25	23,5-24,5	50-80
Vinh-Nghệ An (Đài KTTV Trung Bộ)	23,0-24,0	10-20	24,0-25,0	5-15	25,5-26,5	10-20	24,0-25,0	30-50
Huế-Tp, Huế (Đài KTTV Trung Bộ)	24,5-25,5	20-40	25,5-26,5	10-20	26,5-27,5	10-20	25,5-26,5	40-70
Kon Tum-Quảng Ngãi (Đài KTTV Trung Bộ)	25,5-26,5	10-20	26,0-27,0	15-30	26,0-27,0	20-40	26,0-27,0	50-90
Quy Nhơn-Gia Lai (Đài KTTV Trung Bộ)	26,5-27,5	5-10	27,0-28,0	10-20	28,0-29,0	5-10	27,0-28,0	20-40
Nha Trang- Khánh Hòa (Đài KTTV Trung Bộ)	26,5-27,5	5-10	27,0-28,0	10-20	27,5-28,5	5-10	27,0-28,0	20-40
Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk (Đài KTTV Trung Bộ)	25,5-26,5	10-20	26,0-27,0	10-25	26,5-27,5	10-25	26,0-27,0	30-60
Nhà Bè-Tp, Hồ Chí Minh (Đài KTTV Nam Bộ)	28,5-29,5	5-10	29,0-30,0	5-10	29,5-30,5	10-20	29,0-30,0	20-40
Cần Thơ-Tp, Cần Thơ (Đài KTTV Nam Bộ)	27,5-28,5	5-10	28,0-29,0	5-10	28,5-29,5	5-10	28,0-29,0	15-30

Ghi chú:

- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);
- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %),
- Các khu vực dự báo được điều chỉnh theo địa danh hành chính mới (Bảng 1 – Phụ lục)

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 12h00 ngày 01/4/2026

Tin phát lúc: 12h00 ngày 21/3/2026./.

Soát tin: Đỗ Thị Thanh Thủy

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đức Hòa

Phụ lục

Bảng 1: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ từ ngày 21/02-20/3/2026

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Dông và lốc	xã Ba Vinh và Ba Vi, tỉnh Quảng Ngãi	03/3/2026
Dông lốc, gió, mưa đá	xã Bum Tờ, Nậm Hàng, Pa Ủ tỉnh Lai Châu	16-17/3/2026

Bảng 2: Lượng mưa cao nhất ngày giai đoạn 21/02-20/3/2026 vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 02	Ngày xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Càng Long (Vĩnh Long)	18,5	03/02/2017	20,6	26/02/2026
2	An Khê (Gia Lai)	22,8	26/02/1989	29,5	27/02/2026
3	Rạch Giá (An Giang)	57,5	28/02/2009	61,0	27/02/2026
4	Đắk Tô (Quảng Ngãi)	30,5	23/02/2000	55	27/02/2026
5	Ayunpa (Gia Lai)	24,6	21/02/1998	56,7	27/02/2026
6	Đắk Mi (Lâm Đồng)	37,8	17/02/2022	56,9	27/02/2026
7	Càng Long (Vĩnh Long)	18,5	03/02/2017	23,3	27/02/2026
8	Bạc Liêu (Cà Mau)	50,4	13/02/2016	111,7	27/02/2026
9	Lắc (Đắk Lắk)	21,5	18/02/1987	41	28/02/2026
STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 3	Ngày xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Thủ Dầu Một (TP.HCM)	42,6	31/3/2019	46	06/3/2026

Bảng 3: Nhiệt độ cao nhất ngày giai đoạn 21/02-20/3/2026 vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 02	Ngày xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Tây Ninh (Tây Ninh)	37,2	26/02/2013	37,5	18/02/2026
STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 3	Ngày xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Móng Cái (Quảng Ninh)	30,5	31/3/2014	31,0	02/3/2026

Bảng 4: Tổng lượng mưa từ ngày 01-20/3/2026 vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Tổng lượng mưa cao nhất từ ngày 01-20/3	Ngày xuất hiện GTLS	Tổng lượng mưa vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Huế (TP. Huế)	112,1	01-20/3/1997	207,6	01-20/3/2026
2	A Lưới (TP. Huế)	111,0	01-20/3/1965	213,3	01-20/3/2026
3	Nam Đông (TP. Huế)	105,1	01-20/3/1986	310,0	01-20/3/2026
4	Trà My (TP.Đà Nẵng)	281,8	01-20/3/1991	336,6	01-20/3/2026

Bảng 5: Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới

STT	Khu vực	Gồm các tỉnh
1	Khu vực Tây Bắc Bộ	Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, khu vực phía Nam của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Hòa Bình cũ),
2	Khu vực Đông Bắc Bộ	Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Tp, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Tp, Hà Nội; khu vực phía Bắc của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ cũ),
3	Khu vực Thanh Hóa-Huế	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Tp, Huế,
4	Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ	Tp, Đà Nẵng, Khánh Hòa và ven biển các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng,
5	Khu vực Cao nguyên Trung Bộ	Phía Tây các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng,
6	Khu vực Nam Bộ	Đồng Nai, Tp, Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Tp, Cần Thơ, An Giang, Cà Mau,

